

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2025

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Hằng

Bà Trịnh Thị Trúc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ.

Trong các ngày 24 tháng 8 năm 2025 và ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Kim P, sinh năm 1972; Địa chỉ: khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn H, sinh năm 1973; Địa chỉ: khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Kim P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông H tự nguyện tổ chức lễ cưới, đến ngày 25/8/1997 thì đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L (nay là phường L), chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cự cãi từ đó làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Nhận thấy vợ chồng thật sự không còn tình cảm nên không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng được nữa nên bà P yêu cầu ly hôn với ông H, các bên đã không còn sống chung với nhau.

Về con chung: Bà P và ông H có 03 con chung tên chị Phạm Thị Kim Á, giới tính nữ, sinh năm 1995; chị Phạm Thị Kim T, giới tính nữ, sinh năm 1998; Phạm Kim A, giới tính nữ, sinh ngày 30/7/2015. Đối với Kim Á, Kim T đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Đối với Kim A, bà P thống nhất để ông H tiếp tục nuôi, bà P chưa cấp dưỡng nuôi con mà lo theo khả năng. Về tài sản chung: Có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn H trình bày:

Ông Phạm Văn H không đồng ý ly hôn, khi nào chia tài sản xong thì ông H mới đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa ngày 24/8/2025, ông Phạm Văn H khai giữa ông H và bà P có tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thị xã L (nay thuộc phường L) nên Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ giải quyết là đúng thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phạm Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, ngày 24/8/2025 ông Phạm Văn H có tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng sau đó lại tiếp tục vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông H tự nguyện tổ chức lễ cưới, đến ngày 25/8/1997 thì đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L (nay là phường L) nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống ông bà hạnh phúc và nhưng dần về sau xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc. Bà P cương quyết ly hôn với ông H. Theo ý kiến của ông H ở giai đoạn hòa giải của Hòa giải viên và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24/8/2025 thì ông H không thống nhất ly hôn, khi nào chia tài sản xong mới đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, bà P vẫn cương quyết ly hôn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa ông bà là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà P.

[2.2] Về con chung: Bà P và ông H có 03 con chung. Đối với con chung Phạm Thị Kim Á, giới tính nữ, sinh năm 1995; Phạm Thị Kim T, giới tính nữ, sinh năm 1998 đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Đối với Phạm Kim A, giới tính nữ, sinh ngày 30/7/2015 bà P thống nhất để ông H tiếp tục nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của Kim A muốn sống chung với ông H. Do đó, để đảm bảo môi trường sống ổn định cho con chung, căn cứ Điều 81 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao Phạm Kim A cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng. Bà P chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà P có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Kim P trình bày giữa bà P và ông H có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận và không có nợ chung. Đối với ông H khai tại phiên tòa ngày 24/8/2025, cho rằng giữa ông H và bà P có tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa và ban hành Thông báo số 06/TB-TA ngày 24/8/2025 yêu cầu bà P và ông H cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến tài sản chung của vợ chung và các khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân nhưng đương sự không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “Quyền, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng đối với người thứ ba vẫn có hiệu lực sau khi ly hôn, trừ trường hợp vợ chồng và người thứ ba có thỏa thuận khác”. Do đó, trong phạm vi giải quyết vụ án này, Hội đồng xét xử không xem xét liên quan đến vấn đề về tài sản chung, nợ chung, tách ra thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Kim P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Kim P và ông Phạm Văn H được ly hôn.

[3] Về con chung: Ông Phạm Văn H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Kim A, giới tính nữ, sinh ngày 30/7/2015. Bà Phan Kim P chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Phan Kim P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với con chung Phạm Thị Kim Á, giới tính nữ, sinh năm 1995; Phạm Thị Kim T, giới tính nữ, sinh năm 1998 đã thành niên nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không đề cập giải quyết trong vụ án này. Tách ra thành vụ việc khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phan Kim P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng

(ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002887 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Cần Thơ). Bà Phan Kim P đã nộp xong án phí.

[6] Bà Phan Kim P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/9/2025). Ông Phạm Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 12 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 12 – Cần Thơ;
- UBND phường Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thanh Quyền